

Số: /UBND-KT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

V/v công khai tình hình quyết
toán vốn đầu tư công dự án hoàn
thành năm 2024

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Kho bạc Nhà nước khu vực I;
- Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các đơn vị được giao chủ đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn Thành phố.

Căn cứ quy định về công khai số liệu quyết toán dự án hoàn thành tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Ủy ban nhân dân Thành phố công khai số liệu quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn đầu tư công năm 2024 như sau:

1. Số liệu quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành đến 31/12/2024:

Tổng số dự án đầu tư xây dựng hoàn thành đã phê duyệt quyết toán trong năm 2024 là 2.275 dự án với giá trị quyết toán được phê duyệt là 28.495,7 tỷ đồng (*Chi tiết phụ lục số 1: Biểu tổng hợp quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành công năm 2024*), trong đó:

- Vốn ngân sách do cấp Thành phố quản lý là 105 dự án với giá trị quyết toán được duyệt là 5.918,4 tỷ đồng (*Chi tiết phụ lục số 2: Biểu tổng hợp quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành năm 2024 đã phê duyệt quyết toán – Ngân sách cấp Thành phố*).

- Vốn ngân sách do cấp huyện quản lý là 2.170 dự án với tổng số vốn đầu tư được phê duyệt quyết toán là 22.577,3 tỷ đồng (*Chi tiết phụ lục số 3: Biểu tổng hợp quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành năm 2024 đã phê duyệt quyết toán – Ngân sách cấp huyện*).

Qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán đã giảm trừ so với giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư là 192,7 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,67% tổng giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư.

2. Số liệu các dự án chậm nộp hồ sơ quyết toán đến 31/12/2024:

Tổng số dự án đầu tư xây dựng hoàn thành chậm lập hồ sơ quyết toán tại thời điểm 31/12/2024 là 179 dự án, trong đó:

- Vốn ngân sách cấp Thành phố quản lý là 48 dự án (*Chi tiết phụ lục số 4: Biểu tổng hợp các dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn đầu tư công cấp thành phố chậm lập hồ sơ quyết toán tính đến ngày 31/12/2024*).

- Vốn ngân sách cấp huyện quản lý là 131 dự án (*Chi tiết phụ lục số 5: Biểu tổng hợp các dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn đầu tư công cấp huyện chậm lập hồ sơ quyết toán tính đến ngày 31/12/2024*).

3. Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã:

- Thực hiện nghiêm chỉ đạo của UBND Thành phố tại các Văn bản số: 700/UBND-KTTH ngày 15/3/2024, số 1901/UBND-KTTH ngày 14/6/2024, số 2722/UBND-KTTH ngày 17/8/2024, số 4474/ UBND-KTTH ngày 31/12/2024 về việc thực hiện quyết toán sử dụng vốn đầu tư công.

- Công khai số liệu phê duyệt quyết toán năm 2024 của các dự án đầu tư xây dựng hoàn thành được Ủy ban nhân dân Thành phố giao phân cấp quản lý theo quy định.

- Khẩn trương lập hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt các dự án chậm nộp hồ sơ quyết toán theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

- Thực hiện rà soát các dự án đầu tư đã hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng đến nay chưa thực hiện quyết toán dự án hoàn thành (đặc biệt là các dự án đã hoàn thành, chậm nộp hồ sơ quyết toán); xác định rõ nguyên nhân chậm quyết toán, những khó khăn vướng mắc cụ thể của từng dự án, làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân có liên quan, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp xử lý, báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, xử lý dứt điểm tình trạng chậm quyết toán dự án hoàn thành. Đối với chủ đầu tư, nhà thầu vi phạm quy định về nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành và quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, thực hiện xử phạt theo đúng quy định tại Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh công tác quyết toán dự án đầu tư xây dựng hoàn thành.

UBND Thành phố yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- Các PCT UBND Thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP_{Đ.Q.} Hùng, các PCV;
- Lưu: VT, KT_{Đ.}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Đông

Phụ lục số 01
Biểu tổng hợp quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành năm 2024
trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Kèm theo công văn số /UBND-KT ngày / /2025 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị được quyết toán	Chênh lệch
	Tổng cộng	2.275	32.633,5	28.688,4	28.495,7	192,7
1	Ngân sách Thành phố	105	7.079,7	5.932,9	5.918,4	14,5
2	Ngân sách cấp quận huyện	2.170	25.553,8	22.755,5	22.577,3	178,2

Phụ lục số 02

Tổng hợp quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành năm 2024 đã phê duyệt quyết toán – Ngân sách cấp Thành phố
(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / /2025 của UBND Thành phố)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	Tổng cộng	105	7.079,7	5.932,9	5.918,4	14,5
1	Nhóm A	1	470,96	382,01	380,82	1,19
2	Nhóm B	25	4.350,66	3.576,77	3.569,70	7,09
3	Nhóm C	79	2.258,08	1.974,08	1.967,85	6,23
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới:					
1	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình giao thông thành phố Hà Nội	16	1.497,28	1.025,26	1.023,73	1,53
	Nhóm B	4	1.281,58	917,07	915,81	1,25
	Đầu tư xây dựng cầu Ái Mỹ, quốc lộ 21, thị xã Sơn Tây	1	122,827	82,252	82,067	0,185
	Xây dựng tuyến đường nối từ trường Đại học Mỏ - Địa chất vào khu công nghiệp Nam Thăng Long	1	196,312	146,461	146,341	0,120
	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt nút giao giữa đường Hoàng Quốc Việt và đường Nguyễn Văn Huyền (Vành đai 2,5)	1	560,280	384,710	383,918	0,792
	XD hoàn chỉnh theo quy hoạch nút giao đường VĐ 3 với đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải phòng	1	402,161	303,642	303,485	0,157
	Nhóm C	12	215,70	108,19	107,92	0,27
	Xây dựng cầu vượt đi bộ qua đường Nguyễn Văn Cừ 1, quận Long Biên	1	5,054	4,358	4,358	0,000
	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Văn Cừ 3	1	5,592	4,585	4,585	0,000
	Xây dựng cầu Tri Lễ, huyện Thanh Oai	1	15,473	10,667	10,631	0,036
	Đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Quốc lộ 32 (thôn Lai Xá), huyện Hoài Đức	1	5,651	4,536	4,536	0,000
	Xây dựng đường Ngọc Khánh - Đê Bưởi - Nghĩa Đô (đoạn từ Hoàng Quốc Việt - Bảo Tàng dân tộc học)	1	29,514	12,319	12,319	0,000
	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Lê Đức Thọ (ngõ 63) quận Nam Từ Liêm	1	4,636	3,436	3,421	0,015
	Dự án cầu vượt cho người đi bộ tại trước tòa nhà HH1A, HUD3, CT5-X2 trong khu đô thị Bắc Linh Đàm, Hoàng Mai	1	3,912	3,522	3,522	0,000
	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Trần Hữu Dực (ngõ 6), quận Nam Từ Liêm	1	4,912	3,566	3,556	0,010
	Xây dựng cầu Hoàng Thanh - CBTĐ dừng theo VB 4199 ngày 12/12/2023	1	0,556	0,240	0,240	0,000

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Dự án dừng thực hiện - Cải tạo, mở rộng cầu Trung Tự kết hợp chỉnh trang tuyến đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ cầu Trung Tự đến nút giao Lương Đình Cửa)	1	37,044	0,652	0,634	0,018
	Cải tạo nút giao đường Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch	1	49,767	35,310	35,278	0,032
	Dự án cầu Phú Thứ	1	53,585	25,000	24,838	0,162
2	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng thành phố Hà Nội	21	1.845,54	1.660,13	1.657,47	2,67
	Nhóm A	1	470,96	382,01	380,82	1,19
	Xây dựng khu TĐC Nam Trung Yên - Phần đầu tư xây dựng HTKT (thuộc dự án phát triển giao thông Hà Nội - Giai đoạn 1)	1	470,960	382,009	380,822	1,187
	Nhóm B	10	1.166,44	1.092,12	1.090,97	1,15
	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Đan Phượng thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	98,501	98,141	98,059	0,082
	Dự án sửa chữa, bảo trì khu trung hòa nhân chính, trung yên, hạ đình, mẽ trì hạ (26 vị trí)	1	67,174	63,646	63,638	0,008
	Dự án ĐTXD trụ sở công an huyện Ba Vì thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	59,296	53,541	53,320	0,221
	Dự án ĐTXD trụ sở công an quận Hà Đông thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	85,636	80,631	80,487	0,144
	Dự án ĐTXD trụ sở công an huyện Phú Xuyên thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	82,210	78,250	78,228	0,022
	Dự án nâng cấp, đầu tư Hệ thống khí y tế tại các Bệnh viện trực thuộc Sở Y Tế	1	52,814	39,420	39,067	0,353
	Xây dựng Nhà B công an Thành phố	1	173,156	163,108	163,080	0,028
	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì	1	47,547	45,893	45,852	0,041
	Cải tạo các phòng họp, phòng làm việc, nhà ăn tại trụ sở UBND Thành phố	1	85,130	78,016	77,935	0,081
	Dự án nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Đông Anh	1	414,972	391,471	391,299	0,172
	Nhóm C	10	208,14	186,01	185,68	0,33
	Xây dựng hệ thống PCCC 05 nhà chung cư tái định cư Đền Lừ (nhà A, B, C, E), quận Hoàng Mai và 94B Nguyễn Khánh Toàn, Cầu Giấy	1	21,456	17,371	17,370	0,001
	Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế linh kiện thiết bị và phương tiện PCCC đã được trang bị và lắp đặt theo thiết kế ban đầu tại các chung cư tái định cư khu đô thị Nam Trung Yên, khu đô thị mới Yên Hòa - GĐ1 (18 vị trí)	1	30,986	26,687	26,605	0,082

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Quốc Oai thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	36,808	33,676	33,590	0,086
	Cải tạo, sửa chữa chống xuống cấp Trung tâm điều dưỡng người có công số 1 Hà Nội	1	28,400	26,700	26,675	0,025
	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non B, quận Hoàn Kiếm	1	27,404	24,285	24,271	0,014
	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì	1	18,440	16,393	16,338	0,055
	Xây dựng trụ sở làm việc đồn công an Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ thuộc công an thành phố	1	7,618	7,192	7,192	0,000
	Xây dựng trụ sở làm việc đồn công an Viên An, huyện Ứng Hòa thuộc công an thành phố	1	6,760	6,255	6,255	0,000
	Xây dựng trụ sở viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng	1	19,907	18,370	18,303	0,067
	Xây dựng trụ sở làm việc công an Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, thuộc công an thành phố Hà Nội	1	10,361	9,079	9,079	0,000
3	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình HTKT và Nông nghiệp thành phố Hà Nội	3	175,94	148,45	148,35	0,10
	Nhóm C	3	175,94	148,45	148,35	0,10
	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Cao Xuân Dương, huyện Thanh Oai	1	76,155	56,948	56,867	0,081
	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm An Mỹ 1, huyện Mỹ Đức	1	74,260	68,168	68,149	0,019
	Đầu tư xây dựng trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục tại khu xử lý chất thải Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây	1	25,522	23,333	23,333	0,000
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	23	1.091,03	1.026,47	1.023,11	3,36
	Nhóm B	1	182,63	149,13	148,95	0,19
	Tu bổ, nâng cấp đê bao hữu Bùi, huyện Chương Mỹ	1	182,630	149,134	148,945	0,189
	Nhóm C	22	908,40	877,34	874,16	3,17
	XLCB khắc phục tình trạng sạt lở bờ sông Hồng đoạn tương ứng từ K0+200 đến K0+300 đê hữu Hồng, thuộc địa bàn xã Thái Hòa, huyện Ba Vì	1	34,041	33,307	33,267	0,040
	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ tả sông Bùi đoạn qua địa bàn xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	46,296	43,890	43,845	0,045
	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Bùi, sông Đáy đoạn đi qua địa bàn xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.	1	35,209	34,100	34,072	0,028

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ hữu sông Bùi đoạn qua địa bàn xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ.	1	26,154	24,655	24,542	0,113
	XLCB khắc phục sự cố sạt lở bờ tả sông Bùi đoạn qua địa bàn xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ	1	42,439	40,127	40,018	0,109
	XLCB khắc phục tình trạng sạt lở bờ hữu sông Đà đoạn tương ứng từ K3+150 đến K3+430 và từ K3+760 đến K4+100 đê hữu Đà thuộc địa bàn xã Sơn Đà, huyện Ba Vì	1	38,080	37,080	36,921	0,159
	Xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố lún mặt đê và sụt cơ thượng lưu đê Tả Hồng tại xã Tráng Việt, huyện Mê Linh	1	6,146	5,368	5,367	0,001
	Xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Đáy đoạn quan khu dân cư các xã Hòa Nam, Hòa Phú, huyện Ứng Hòa	1	69,396	65,992	65,968	0,024
	Xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố sạt lở kè Cẩm Đình đoạn tương ứng từ K0+200 đến K1+300 đê Vân Cốc, xã Xuân Đình, huyện Phúc Thọ.	1	64,002	60,936	60,914	0,022
	XLCB khắc phục tình trạng sạt lở kè Xâm Thị tương ứng từ K86+389 đến K87+500 đê hữu Hồng, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín	1	78,000	75,770	75,770	0,000
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở bờ hữu sông Hồng đoạn tương ứng từ K24+800 đến K26+000 đê hữu Hồng thuộc địa bàn xã Đông Quang và xã Cam Thượng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.	1	78,110	74,040	73,980	0,060
	Cấp nước sạch liên xã Hiền Giang, Tiền Phong, Nguyễn Trãi, Tân Minh, Nghiêm Xuyên (dự án dừng thực hiện)	1	8,450	8,450	8,450	0,000
	Cấp nước sạch liên xã Phương Trung, Kim thư, Đỗ Động, Kim An, huyện Thanh Oai (dự án dừng thực hiện)	1	7,804	7,804	7,804	0,000
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở kè Phong Vân đoạn tương ứng từ K2+500 đến K3+300 đê hữu Hồng, trên địa bàn xã Phong Vân, huyện Ba Vì	1	79,000	75,623	75,623	0,000
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở kè Yên Phú tương ứng từ K4+200 đến K4+800 đê tả Cà Lò, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn	1	34,973	33,291	31,290	2,001
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở tương ứng từ K12+540 đến K13+000 đê tả Đuống, xã Dương Hà, huyện Gia Lâm	1	25,740	24,457	24,439	0,018
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở kè Linh Chiểu đoạn tương ứng từ K31+980 đến K32+215 đê hữu Hồng và Kè Phương Độ đoạn tương ứng từ K34+800 đến K35+500 đê hữu Hồng, huyện Phúc Thọ	1	70,000	69,846	69,883	-0,037

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở bờ hữu sông Đà trên địa bàn thôn Phú Thứ và thôn Khánh Trúc, xã Khánh Thượng, huyện Ba Vì	1	78,000	77,971	77,943	0,028
	Xử lý cấp bách sự cố mạch đùn, mạch sùi cống Cẩm Đình, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	1	41,990	41,790	41,718	0,072
	Cấp nước sạch liên xã Thụy Phú, Hồng Thái, Nam Phong, Văn Nhân (dự án dừng thực hiện)	1	9,628	9,628	9,200	0,428
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở kè Sơn Tây trên địa bàn xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây	1	5,835	5,490	5,490	0,000
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng lún, sụt, sạt lở bờ hữu sông Hồng, đoạn tương ứng từ K67+300 đến K67+870 đê hữu Hồng, quận Hoàn Kiếm	1	29,107	27,721	27,659	0,062
5	UBND quận Long Biên	1	187,79	152,54	152,13	0,40
	Nhóm B	1	187,79	152,54	152,13	0,40
	Xây dựng tuyến đường 25m từ đê sông Đuống đến tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang 40m (tiếp giáp với trường Alexander Yersin) tại phường Ngọc Thụy)	1	187,792	152,535	152,134	0,401
6	UBND quận Nam Từ Liêm	1	175,02	130,12	130,06	0,06
	Nhóm B	1	175,02	130,12	130,06	0,06
	Xây dựng trường THPT Mỹ Đình	1	175,018	130,115	130,058	0,057
7	UBND huyện Ba Vì	7	408,98	367,03	366,03	1,01
	Nhóm B	2	252,76	234,55	233,85	0,70
	Đường tránh quốc lộ 32 (đoạn qua thị trấn Tây Đằng)	1	151,706	136,392	135,781	0,611
	Xây dựng, cải tạo mở rộng trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Ba Vì	1	101,057	98,154	98,068	0,086
	Nhóm C	5	156,22	132,48	132,18	0,31
	Xây dựng vùng rau an toàn tập trung xã Minh Châu, huyện Ba Vì	1	33,928	27,980	27,955	0,025
	Xây dựng vùng rau an toàn tập trung thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì	1	29,450	20,547	20,526	0,021
	Xây dựng vùng rau an toàn tập trung xã Chu Minh, huyện Ba Vì	1	14,941	10,062	10,019	0,043
	Xây dựng, cải tạo trường THPT Bất Bạt	1	40,000	38,200	38,071	0,129
	Xây dựng, mở rộng trường THPT Ngô Quyền, huyện Ba Vì	1	37,900	35,695	35,605	0,090
8	UBND huyện Chương Mỹ	1	11,33	10,65	10,59	0,06
	Nhóm C	1	11,33	10,65	10,59	0,06
	XLCB sạt lở đê bao xã Trần Phú	1	11,329	10,654	10,594	0,060

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
9	UBND huyện Đan Phượng	1	111,97	98,18	97,92	0,26
	Nhóm B	1	111,97	98,18	97,92	0,26
	Xây dựng trường THPT Thọ Xuân, huyện Đan Phượng	1	111,970	98,181	97,922	0,259
10	UBND huyện Mê Linh	2	382,34	259,90	258,30	1,59
	Nhóm B	1	337,84	216,33	214,84	1,49
	Dự án Xây dựng tuyến đường từ Trung tâm hành chính đi TTVHTT huyện Mê Linh (giai đoạn 1)	1	337,840	216,331	214,844	1,487
	Nhóm C	1	44,50	43,57	43,46	0,11
	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	1	44,500	43,567	43,459	0,108
11	UBND huyện Mỹ Đức	4	172,88	162,76	162,01	0,75
	Nhóm B	1	87,23	79,00	78,62	0,38
	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 424 (76 cũ) từ Chợ Bến - Hòa Bình đến khu du lịch Quan Sơn (Km2+000+Lm3+800) huyện Mỹ Đức	1	87,227	79,004	78,621	0,383
	Nhóm C	3	85,65	83,76	83,39	0,36
	Xây dựng trạm bơm Cầu Đổ - Chân Chim, huyện Mỹ Đức	1	54,204	53,407	53,131	0,276
	XLCB sạt lở bờ sông Đáy, thôn Tiên Mai, xã Hương Sơn	1	24,229	23,570	23,509	0,061
	Kè chống sạt lở đê hữu Đáy đoạn cầu phao Áng Hạ, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	1	7,220	6,780	6,753	0,027
12	UBND huyện Quốc Oai	1	19,70	19,55	19,50	0,05
	Nhóm C	1	19,70	19,55	19,50	0,05
	XLCB sự cố đê bồi Tuyết Nghĩa từ thôn Muôn đến Cầu Phú Cát tuyến đê Bồi Minh Khai đi thôn Muôn thuộc xã Tuyết Nghĩa, Cấn Hữu	1	19,700	19,549	19,497	0,052
13	UBND huyện Thanh Trì	1	248,83	201,31	200,17	1,14
	Nhóm B	1	248,83	201,31	200,17	1,14
	Xây dựng tuyến đường nối đường 70 chạy dọc mương Hòa Bình, huyện Thanh Trì	1	248,833	201,307	200,165	1,142
14	UBND thị xã Sơn Tây	1	119,57	118,11	118,06	0,05
	Nhóm B	1	119,57	118,11	118,06	0,05
	Trung tâm văn hóa thể thao thị xã Sơn Tây	1	119,573	118,110	118,055	0,055
15	Bộ tư lệnh Thủ đô	1	199,00	188,33	188,33	0,00
	Nhóm B	1	199,00	188,33	188,33	0,00
	Mua sắm thiết bị cứu hộ, cứu nạn, cứu sập đổ công trình của đại đội PCCC, phòng hóa/Bộ tham mưu và tiểu đoàn 5/Trung đoàn 692/sư đoàn bộ binh 301/Bộ Tư lệnh thủ đô	1	199,000	188,328	188,328	0,000
16	Viện Quy hoạch xây dựng	16	37,66	31,50	31,50	0,00
	Nhóm C	16	37,66	31,50	31,50	0,00

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Quyết toán đồ án: quy hoạch phân khu đô thị Xuân Mai (khu 1), tỷ lệ 1/2000	1	3,995	3,238	3,238	0,000
	Quyết toán đồ án: quy hoạch phân khu đô thị Xuân Mai (khu 2), tỷ lệ 1/2000	1	3,802	3,089	3,089	0,000
	Quyết toán đồ án: quy hoạch phân khu đô thị Xuân Mai (khu 3), tỷ lệ 1/2000	1	6,279	5,301	5,301	0,000
	Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm - thành phố Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000	1	4,633	4,153	4,153	0,000
	Quy hoạch chung đô thị Hòa Lạc - thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000	1	7,492	6,378	6,378	0,000
	Quy hoạch phân khu đô thị GN(A), tỷ lệ 1/5000	1	1,964	1,669	1,669	0,000
	Quy hoạch phân khu đô thị sông Đuống (R6), tỷ lệ 1/5000	1	2,715	2,387	2,387	0,000
	Điều chỉnh cục bộ QHC xây dựng Thủ đô (Khu vực trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia tại huyện Đông Anh - Hà Nội)	1	0,302	0,279	0,279	0,000
	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000 (phần quy hoạch sử dụng đất tại khu vực dự án khu đô thị mới Tây Mỗ, Đại Mỗ quận Nam Từ Liêm) và định hướng hạ tầng kỹ thuật tại khu đô thị An Khánh D3	1	0,218	0,188	0,188	0,000
	Điều chỉnh cục bộ QHC xây dựng thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (Phần Quy hoạch sử dụng đất tại khu vực dự án Khu đô thị Gia Lâm, huyện Gia Lâm và định hướng hạ tầng kỹ thuật tại khu vực Yên Viên - Long Biên - Gia Lâm (C3, C4)	1	0,236	0,203	0,203	0,000
	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu đô thị GN và N8, tỷ lệ 1/5000 khu vực cây xanh hồ Phương Trạch và đô thị, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.	1	0,503	0,503	0,503	0,000
	Lập Nhiệm vụ Điều chỉnh tổng thể QHC xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (nay là Lập Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065).	1	1,400	1,400	1,400	0,000
	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu đô thị S3, tỷ lệ 1/5000 tại ô quy hoạch ký hiệu D-3 (phục vụ dự án đầu tư xây dựng vị trí đóng quân mới cho Trung đoàn bộ binh 692 thuộc sư đoàn bộ binh 301 - Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	1	0,098	0,098	0,098	0,000
	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu nghỉ trang huyện Thạch Thất, tỷ lệ 1/500	1	1,775	1,185	1,185	0,000
	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đất để đầu giá tại xã Vân Tảo, huyện Thường Tín, tỷ lệ 1/500	1	1,125	0,889	0,889	0,000
	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đất đầu giá tại xã Vạn Điểm, huyện Thường Tín, tỷ lệ 1/500	1	1,120	0,536	0,536	0,000
17	Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội	1	3,13	1,84	1,84	0,00

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Nhóm C	1	3,13	1,84	1,84	0,00
	Dự án dừng thực hiện - Xây dựng Trung tâm truyền hình đài phát thanh và truyền hình Hà Nội tại xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm (GD1)	1	3,130	1,840	1,840	0,000
18	Sở Xây dựng (TT KHTK Thành phố)	2	101,75	100,43	100,35	0,08
	Nhóm C	2	101,75	100,43	100,35	0,08
	Xây dựng hồ chứa sinh học khẩn cấp phục vụ công tác vận hành tại khu đất xen kẹt 10,5ha khu phía bắc giai đoạn II, Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn	1	42,265	41,670	41,623	0,047
	Xây dựng theo lệnh khẩn cấp danh mục công trình: phục vụ nâng công suất tiếp nhận rác tại khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	1	59,488	58,758	58,727	0,031
19	Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long – Hà Nội	1	2,41	0,63	0,57	0,06
	Nhóm C	1	2,41	0,63	0,57	0,06
	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Hoàng Thành Thăng Long – Hà Nội (dự án dừng thực hiện)	1	2,414	0,630	0,568	0,062
20	Ban phục vụ lễ tang hà nội	1	287,55	228,88	228,37	0,51
	Nhóm C	1	287,55	228,88	228,37	0,51
	cải tạo, nâng cấp để chuyển đổi nhiệm vụ Nghĩa trang Văn Điển	1	287,547	228,881	228,373	0,508

Phụ lục số 03**Tổng hợp quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành năm 2024 đã phê duyệt quyết toán – Ngân sách cấp huyện**
(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / /2025 của UBND Thành phố)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị phê duyệt quyết toán	Chênh lệch
A	Tổng cộng	2.170	25.553,8	22.755,5	22.577,3	178,2
1	UBND quận Ba Đình	36	659,4	595,7	591,9	3,8
2	UBND quận Cầu Giấy	61	685,5	571,3	571,1	0,2
3	UBND quận Đống Đa	52	735,8	674,8	672,0	2,8
4	UBND quận Hai Bà Trưng	41	581,4	561,2	560,3	0,9
5	UBND quận Hà Đông	44	524,0	490,8	486,8	4,0
6	UBND quận Hoàn Kiếm	19	493,871	398,6	398,5	0,1
7	UBND quận Hoàng Mai	24	798,526	731,6	730,7	0,9
8	UBND quận Long Biên	40	2.590,982	2.020,1	1.997,1	23,0
9	UBND quận Tây Hồ	43	883,7	703,8	699,0	4,8
10	UBND quận Thanh Xuân	102	313,1	300,2	296,0	4,2
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	40	396,7	353,6	352,0	1,7
12	UBND quận Nam Từ Liêm	22	371,1	342,8	339,4	3,4
13	UBND huyện Ba Vì	114	1.657,3	1.573,9	1.568,7	5,2
14	UBND huyện Chương Mỹ	27	210,4	180,3	179,2	1,2
15	UBND huyện Đan Phượng	90	916,2	856,9	848,0	8,8
16	UBND huyện Đông Anh	147	2.248,2	1.932,7	1.914,9	17,8
17	UBND huyện Gia Lâm	101	1.817,4	1.632,5	1.602,7	29,8
18	UBND huyện Hoài Đức	106	684,7	630,4	626,3	4,1
19	UBND huyện Mê Linh	113	806,8	747,2	739,1	8,1
20	UBND huyện Mỹ Đức	40	380,1	362,7	361,3	1,4
21	UBND huyện Phú Xuyên	59	531,3	502,9	498,4	4,5
22	UBND huyện Phúc Thọ	121	841,9	756,1	749,2	6,9
23	UBND huyện Quốc Oai	83	604,1	558,4	546,0	12,4
24	UBND huyện Sóc Sơn	44	630,0	589,2	585,8	3,4
25	UBND huyện Thạch Thất	71	791,6	730,4	728,9	1,5
26	UBND huyện Thanh Oai	239	814,6	747,0	737,0	10,0
27	UBND huyện Thanh Trì	48	1.013,0	915,3	913,1	2,2
28	UBND huyện Thường Tín	84	525,4	496,5	493,3	3,2
29	UBND huyện Ứng Hòa	106	1.208,8	1.041,0	1.035,4	5,6
30	UBND Thị xã Sơn Tây	53	837,8	757,6	755,1	2,5

Phụ lục số 04
Tổng hợp các dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn đầu tư công cấp thành phố chậm lập hồ sơ quyết toán tính
đến ngày 31/12/2024

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / /2025 của UBND Thành phố)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA	Số dự án
A	Tổng số		48
	Nhóm A	A	2
	Nhóm B	B	35
	Nhóm C	C	11
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới		
1	BAN QLDA ĐTXD công trình giao thông thành phố Hà Nội		7
	Dự án xây dựng cầu Vinh Tuy và tuyến đường hai đầu cầu (giai đoạn 1)	A	1
	Dự án Phát triển giao thông đô thị HN (các hợp phần còn lại và GPMB)	A	1
	Đầu tư xây dựng đường 418 (82 cũ)	B	1
	Xây dựng đường Cát Linh - La Thành	B	1
	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường 23B (Hà Nội - Nghĩa trang Thanh Tước) (QT GD 2 qua địa phận huyện Đông Anh)	B	1
	Xây dựng cầu 361 (qua sông Tô Lịch)	B	1
	Xây dựng công trình cầu Là	C	1
2	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng thành phố Hà Nội		3
	Xây dựng đường Vành đai 2	B	1
	Dự án Cải tạo Bệnh viện Xanh Pôn và xây dựng nhà điều trị Nội khoa (phần còn lại)	B	1
	Dự án cải tạo nâng cấp sân vận động Hàng Đẫy	B	1
3	BAN QLDA ĐTXD Công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp thành phố Hà Nội		6
	Dự án cấp nước Gia Lâm	B	1
	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Diễm, kiên cố hóa bờ kênh trục chính Thanh Diễm kết hợp làm đường giao thông	B	1
	Dự án hoàn chỉnh mạng lưới cấp nước quận Tây Hồ	B	1
	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T1-2 và đoạn cuối kênh tiêu T1, huyện Đan Phượng	B	1
	Xây dựng hệ thống cấp nước cho khu liên hiệp xử lý chất thải Nam Sơn và vùng ảnh hưởng môi trường của 03 xã Nam Sơn, Bắc Sơn, Hồng Kỳ	C	1
	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Cự Thôn	C	1
4	UBND quận Long Biên		1
	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Cầu Chui - cầu Đuống (phố Ngô Gia Tự)	B	1
5	UBND huyện Gia Lâm		11
	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Trâu Quỳ và Đặng Xá, huyện Gia Lâm	B	1
	Cải tạo, nâng cấp đường dốc Hội - Đại học Nông nghiệp 1	B	1
	Xây dựng tuyến đường Đông Dư - Dương Xá	B	1
	Dự án tuyến đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phù Đổng	B	1
	Dự án tuyến đường theo quy hoạch từ đường 179 đến đường gom cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	B	1
	Xây dựng tuyến đường từ khu đô thị Trâu Quỳ qua đường Đông Dư - Dương Xá đến ga Phú Thị, huyện Gia Lâm	B	1
	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phù Đổng đến hết địa bàn huyện Gia Lâm	B	1
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 179 đoạn từ Dốc Lờ đến ngã tư 181, huyện Gia Lâm	B	1
	Hoàn chỉnh mặt cắt đê đoạn từ K14+500 đến K15+900 thuộc tuyến đê Tả Đuống, huyện Gia Lâm	C	1
	Tu bổ, tôn tạo khu di tích lịch sử Phù Đổng	B	1
	Xây dựng trụ sở Huyện Ủy, UBND huyện Gia Lâm	B	1
6	UBND huyện Thạch Thất		3
	Nâng cấp, cải tạo đê tả tích lý trình từ K+00 đến K16+500 huyện Thạch Thất	C	1
	Trường THPT Phùng Khắc Khoan	B	1
	Trường THPT Bắc Lương Sơn	B	1
7	UBND huyện Phúc Thọ		1
	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất ở đồng Cầu Lọc, xã Ngọc Tảo	C	1
8	UBND huyện Quốc Oai		3
	Trường THPT Phan Huy Chú	B	1
	Nâng cấp, cải tạo bờ hữu sông Tích, huyện Quốc Oai	C	1
	Nâng cấp các tuyến bờ bao sông tích phục vụ công tác phòng chống lũ và nâng cao hệ số sử dụng đất trên địa bàn huyện Quốc Oai	C	1
9	UBND huyện Hoài Đức		1
	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 422 đoạn từ Sơn Đồng- Cát Quế huyện Hoài Đức	B	1
10	UBND quận Nam Từ Liêm		4

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA	Số dự án
	Cải tạo, mở rộng đường Đỗ Xuân Hợp và công hóa thành đường kín tuyến đường Nguyễn Cơ Thạch đến hết đường Đỗ Xuân Hợp	B	1
	Công hóa thành đường kín để làm đường giao thông tuyến đường Đồng Bông	B	1
	GPMB tạo quỹ đất sạch để đấu giá QSD đất ký hiệu DDM, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	B	1
	Nâng cấp, mở rộng đường 70 (đoạn từ đường Trần Hữu Dực kéo dài đến Quốc lộ 32), quận Nam Từ Liêm	B	1
11	UBND huyện Đông Anh		3
	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyễn Khê	B	1
	Đường nối từ đường Cao Lỗ đến nhà tang lễ huyện Đông Anh	B	1
	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại xã Dục Tú, huyện Đông Anh phục vụ công tác GPMB Dự án xây dựng Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên qua địa bàn huyện Đông Anh	C	1
12	UBND quận Thanh Xuân		1
	Xây dựng nhà ở phục vụ di dân giải phóng mặt bằng tại phường Kim Giang	B	1
13	UBND Huyện Thường Tín		1
	Xây dựng phòng khám đa khoa khu vực Tô Hiệu, huyện Thường Tín	C	1
14	UBND huyện Ứng Hòa		2
	Xây dựng HTKT phục vụ phát triển khu nuôi trồng thủy sản tập trung tại các xã Trung Tú, Đồng Tân huyện Ứng Hòa	B	1
	Nâng cấp, cải tạo đê tả Đáy đoạn xã Đồng Tiến và thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa	B	1
15	UBND Thị xã Sơn Tây		1
	Xây dựng Ban chỉ huy phòng, chống lụt bão xã	C	1

Phụ lục số 05
Tổng hợp các dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn đầu tư công cấp huyện chậm lập hồ sơ quyết toán
tính đến ngày 31/12/2024

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / /2025 của UBND Thành phố)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Loại dự án sử dụng ngân sách cấp huyện	Số dự án
A	Tổng cộng	131
1	UBND quận Ba Đình	-
2	UBND quận Cầu Giấy	-
3	UBND quận Đống Đa	-
4	UBND quận Hai Bà Trưng	-
5	UBND quận Hà Đông	5
6	UBND quận Hoàn Kiếm	-
7	UBND quận Hoàng Mai	-
8	UBND quận Long Biên	-
9	UBND quận Tây Hồ	-
10	UBND quận Thanh Xuân	-
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	-
12	UBND quận Nam Từ Liêm	3
13	UBND huyện Ba Vì	13
14	UBND huyện Chương Mỹ	1
15	UBND huyện Đan Phượng	-
16	UBND huyện Đông Anh	-
17	UBND huyện Gia Lâm	45
18	UBND huyện Hoài Đức	-
19	UBND huyện Mê Linh	-
20	UBND huyện Mỹ Đức	-
21	UBND huyện Phú Xuyên	-
22	UBND huyện Phúc Thọ	37
23	UBND huyện Quốc Oai	12
24	UBND huyện Sóc Sơn	-
25	UBND huyện Thạch Thất	1
26	UBND huyện Thanh Oai	-
27	UBND huyện Thanh Trì	-
28	UBND huyện Thường Tín	8
29	UBND huyện Ứng Hòa	6
30	UBND thị xã Sơn Tây	-